TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HS-ST
Ngày 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nhàn

Bà Lê Thị Sử

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Văn L** - sinh ngày 07/12/2002 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: xóm 5 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2019. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa của bị cáo: ông Lê Đăng T - luật sư Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo và là bị đơn dân sự: ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1967) và bà Lê Thị L (sinh năm 1967)

Cùng địa chỉ: xóm 5 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã T.

Bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1991

Chức vụ: Phó Bí thư

Có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự:

UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – phó chủ tịch UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị T – sinh năm 1999

Địa chỉ: xóm 5 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Cao Thị Q – sinh năm 1999

Địa chỉ: thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Tất S - sinh năm 1945

Địa chỉ: xóm 8 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Ông Nguyễn Tất A – sinh năm 1946

Địa chỉ: xóm 8 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 27/5/2019 Nguyễn Văn L theo mẹ đến chơi cưới chị Lê Thị T tại xóm 5 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau 30 phút, khi đi ra phía sau tìm nhà vệ sinh, qua cửa sổ mở, L thấy một chiếc túi xách bằng da (balô) của chị Cao Thị Q để cuối giường nên nảy sinh ý định trộm chiếc túi. L đã thò tay qua cửa sổ lấy chiếc túi ra rồi mở ra thấy bên trong có một chiếc ví nhỏ màu hồng nhãn hiệu "Gucci" của chị Lê Thị T gửi nhờ trong túi xách của chị Cao Thị Q. Mở chiếc ví thấy bên trong có tiền nên L lấy chiếc ví bỏ vào túi quần, sau đó vứt chiếc túi xách sang vườn tràm nhà ông Thông hàng xóm bên cạnh. Khoảng 21 giờ cùng ngày, L sang nhà anh trai Nguyễn Văn Tuấn và nói dối là nhặt được chiếc ví, nhờ anh Tuấn cất hộ. Anh Tuấn đồng ý và nói "đưa đây anh cất hộ cho, khi nào ai hỏi anh đưa lại cho". Sáng ngày 28/5/2019 L qua nhà của Tuấn, hai anh em mở chiếc ví ra kiểm tra thấy trong ví có 4.200.000 đồng và một số giấy tờ nhưng chưa kịp xem giấy tờ gì thì anh Tuấn vội đi lên huyện Tương Dương để làm việc. Trên đường đi thì anh Tuấn nhận được điện thoại của Ngân hàng báo đến hạn trả góp tiền mua điện thoại di động nên anh

Tuấn đã lấy số tiền 1.900.000 đồng trong số tiền 4.200.000 đồng để trả ngân hàng. Còn chị T đã tìm được túi xách rồi đến Công an xã T để trình báo vụ việc.

Khi đến Công an xã, L đã tự giác khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp. Còn anh Tuấn ngay sau khi biết việc L trộm cắp tài sản đã lên Ủy ban nhân dân xã T giao nộp chiếc ví màu hồng cùng số tiền 4.200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 29/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Đô Lương kết luận: 01 chiếc ví da màu hồng trị giá 100.000 đồng, 01 chiếc ba lô cóc màu đen trị giá: 500.000 đồng.

Trong thời gian tại ngoại để điều tra về hành vi "Trộm cắp tài sản", vào ngày 14/7/2019 khi đi chăn trâu tại rừng tràm nhà ông Thái Hoàng Tích, thuộc xóm 5 xã T, L vơ lá tràm khô và các cành khô xung quanh rồi đốt cho lửa cháy và ra về thì bị công an xã T phát hiện, dập tắt đám cháy, không gây thiệt hại gì về tài sản. L bị đưa về trụ sở ủy ban nhân dân xã để lập biên bản sự việc, tại đây L khai do thấy thú vị khi thực hiện việc dập lửa rừng nên đã thực hiện các hành vi đốt rừng khác, cụ thể:

Chiều 28/6/2019, L đi chăn trâu trên đồi tràm thuộc Rú Ngang, xã T thì nhặt được 1 chiếc bật lửa ga tại khu lăng mộ dòng họ Hoàng Thái. L đến rừng trồng tràm của ông Nguyễn Tất B, vơ ít lá khô, cành cây tràm khô rồi bật lửa đốt cháy. Khoảng 5 phút sau lửa cháy L đi xuống dắt trâu ra về.

Chiều ngày 11/7/2019, trong lúc đi chăn trâu, L đi lên đồi Đất Đỏ trồng thông thuộc rừng sản xuất của UBND xã T quản lý thì phát hiện có tổ ong nên nảy sinh ý định đốt ong. L lấy một cành cây khô dài 1,5 m, lấy lá thông khô buộc vào đầu cành cây khô rồi bật lửa cháy hơ vào tổ ong cho các con ong bay đi rồi lấy tổ ong. Thấy lửa vẫn cháy nên L vơ lá thông khô xung quanh cho vào để lửa cháy to hơn, và dắt trâu đi về. Khi nghe thông báo của UBND xã về việc cháy rừng L cùng mẹ và anh trai đi đến chỗ trước đó L đốt ong để dập lửa.

Cũng hành vi tương tự, chiều 13/7/2019, L đã đốt rừng trồng tràm của ông Nguyễn Tất S và ông Nguyễn Tất A và đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi thấy lửa cháy to ở chỗ L đốt lúc chiều, L đã cùng mọi người tham gia dập lửa.

Theo khám nghiệm hiện trường và Kết luận định giá tài sản số 1684 ngày 07/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Đô Lương, diện tích rừng thông UBND xã T quản lý bị cháy là 5217m^2, số cây thông bị cháy là 132 cây có trị giá 19.800.000 đồng; diện tích rừng tràm của ông Nguyễn Tất B bị cháy là 604m^2, số cây tràm bị cháy là 80 cây, trị giá 1.200.000 đồng; diện tích rừng tràm của ông S và ông A bị cháy là 2621m^2, số cây tràm bị cháy là 725 cây, trị giá 10.875.000 đồng.

Ngày 29/7/2019 cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T chiếc ví da màu hồng, số tiền 4.200.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân khác.

Gia đình bị cáo L đã bồi thường cho ông A 3.000.000 đồng, ông S 4.000.000 đồng, ông B 3.000.000 đồng, UBND xã T 10.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2019 cơ quan điều tra đã chuyển vật chứng là chiếc bật lửa ga màu đỏ sang chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương bảo quản.

Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKS-HS ngày 01/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản"; "Hủy hoại rừng", "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173; khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản, đốt cháy rừng như cáo trạng truy tố. Bị cáo đốt rừng chỉ với mục đích tiêu khiển chứ không nhằm mục đích phá hoại. Bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho UBND xã T số tiền 9.800.000 đồng. Bị cáo hối hận và nhận thức được tính nghiêm trọng của hành vi đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt. Ông H, bà L thừa nhận lời khai của bị cáo và đồng ý tiếp tục bồi thường cho UBND xã T số tiền 9.800.000 đồng.

- Bị hại chị Lê Thị T, ông Nguyễn Tất S và ông Nguyễn Tất A thừa nhận đã được bồi thường đầy đủ, không yêu cầu gì thêm và đều có đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại chị Cao Thị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra có lời khai đã nhận lại các tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về phần dân sự.

- Đại diện UBND xã T yêu cầu bị cáo, ông H, bà L tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 9.800.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản xã T đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử đề nghị: giữ nguyên việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản"; "Hủy hoại rừng", "Hủy hoại tài sản" và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; khoản 1 Điều 178; điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, r, s, t khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 55; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội Hủy hoại rừng; tổng hợp hình phạt cả ba tội buộc bị cáo chấp hành từ 24 đến 30 tháng tù; buộc bị cáo, ông H, bà L liên đới bồi thường cho UBND xã T số tiền 9.800.000 đồng.

- Luật sư bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 243; điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/5/2019 tại xóm 5 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Văn L đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt số tài sản trị giá 4.800.000 đồng của chị Cao Thị Q và chị Lê Thị T gồm: 01 chiếc ví da màu hồng trị giá 100.000 đồng, 01 chiếc balô màu đen trị giá 500.000 đồng và 4.200.000 đồng tiền mặt. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/7/2019 Nguyễn Văn L có hành vi đốt cháy 5217m^2 rừng thông sản xuất do UBND xã T thực hiện quản lý theo quy định về bảo vệ và quản lý rừng, gây thiệt hại về lâm sản trị giá 19.800.000 đồng. Hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 243 Bộ luật Hình sự.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/7/2019, Nguyễn Văn L có hành vi đốt cháy 2621m^2 rừng tràm sản xuất thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tất S và ông Nguyễn Tất A được UBND huyện Đô Lương giao sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; gây thiệt hại trị giá 10.875.000 đồng. Hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật Hình sự.

Do vậy Viện kiểm sát huyện Đô Lương truy tố đối với bị cáo là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét hành vi trộm cắp tài sản và hủy hoại tài sản của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội ở mức độ không lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; hành vi hủy hoại rừng gây nguy hiểm cho xã hội ở mức độ lớn, làm tác động tiêu cực đến môi trường cũng như công tác bảo vệ và phát triển rừng. Trong thời gian được tại ngoại để điều tra về tội "Trộm cắp tài

sản", bị cáo lại tiếp tục có 3 hành vi gây ra thiệt hại về rừng cho cá nhân và nhà nước (trong đó có hành vi đốt rừng của ông Nguyễn Tất B nhưng trị giá thiệt hại 1.200.000 đồng nên không cấu thành tội phạm). Điều này chứng tỏ, bị cáo nhận thức kém, coi thường pháp luật, liên tục phạm tội nên cần xử lý nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa tái phạm. Do bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt và tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phạm tội trong thời gian từ 17 tuổi 05 tháng 18 ngày đến 17 tuổi 07 tháng 06 ngày. Do chưa đủ 18 tuổi, phát triển tâm sinh lý chưa hoàn thiện, học vấn thấp, bị cáo đã không nhận thức được đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mình đã thực hiện. Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên của Nhà nước chủ yếu nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục giúp người chưa thành niên nhận thức được sai lầm để sớm sửa chữa, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

Tuy nhiên cũng cần xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên toà khai báo thành khẩn (điểm s, khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự); đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và nguyên đơn dân sự (điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo tự thú về hành vi hủy hoại tài sản và hủy hoại rừng (khoản r Điều 51 Bộ luật hình sự); hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự); bị hại, đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về hình phạt bổ sung: do bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự:

Chị Cao Thị Q, chị Lê Thị T, ông Nguyễn Tất A, ông Nguyễn Tất S đã được bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

UBND xã T yêu cầu bồi thường số tiền còn lại là 9.800.000 đồng. Ông H, bà L, bị cáo nhất trí bồi thường nên theo quy định tại Điều 589, khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự, cần buộc bị cáo, ông H và bà L liên đới bồi thường thiệt hại cho UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An số tiền 9.800.000 đồng.

Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại chị T, chị Q ví da, balô, số tiền 4.200.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của chị T là đúng pháp luật.

Chiếc bật lửa ga màu đỏ, bên ngoài vỏ nhựa có ghi "555" thu giữ của Nguyễn Văn L là công cụ phạm tội, hết giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Về vấn đề khác: hành vi đốt rừng thuộc sở hữu của ông Nguyễn Tất B, ông Thái Hoàng Tích không cấu thành tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng pháp luật.

Nguyễn Văn Tuấn là người cầm giữ tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nhưng anh Tuấn không biết đó là tài sản trộm cắp nên chỉ cần nhắc nhở là đủ.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, ông H, bà L

phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội "Trộm cắp tài sản", "Hủy hoại tài sản", "Hủy hoại rừng".

- Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 178; điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L **04** (Bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; **05** (Năm) tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản"; **09** (Chín) tháng tù về tội "Hủy hoại rừng". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba tội là **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 17/7/2019.

- Về vật chứng: áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiêu hủy 01 chiếc bật lửa ga vỏ nhựa màu đỏ, trên có ghi dòng chữ 555. Vật chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/9/2019.

- Về dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo L, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L liên đới bồi thường thiệt hại cho UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An số tiền 9.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo L, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L phải chịu 490.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người bào chữa có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại TG Công an tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Đô Lương;
- CQTHAHS huyện Đô Lương;
- Trại TG CA tỉnh Nghệ An;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể